

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v: Không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2024 về “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Á, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1979

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Hoàng Văn G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống cùng gia đình anh G tại thôn Đ, xã B, huyện K đến năm 2011 thì chị và anh G phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do anh G có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến cuộc sống chung ngày càng căng thẳng. gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh G không thay đổi. Chị và anh G đã ly thân từ năm 2017 đến nay, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Chị xác định không thể tiếp tục sống chung và muốn chấm dứt hôn nhân với anh G nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh G là vợ chồng.

Chị và anh G có 02 con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 12/5/1998, con đã trên 18 tuổi nhưng bị liệt tứ chi, chậm phát triển tâm thần nặng (F72), không lao động được, con đang ở cùng anh G nên chị đề nghị anh G trực tiếp nuôi dưỡng con, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng và Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 06/4/2006 đang ở cùng anh G. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Thị Thu T1 vì con là con gái nên cần có sự nuôi dưỡng và chăm sóc của chị, không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, trường hợp trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án mà con T1 tròn 18 tuổi thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con T1.

Chị và anh G tự phân chia tài sản chung, không nợ cá nhân, tổ chức, đoàn thể nào, cũng không có tài sản cho vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Hoàng Văn G không trình bày lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Bà Hoàng Thị T2 (mẹ đẻ anh Hoàng Văn G) trình bày:

Hiện nay anh G đang đi làm ăn xã nhà nhưng thường xuyên về nhà, anh G đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án do bà đưa cho anh G, anh G có nói với bà là không đồng ý chấm dứt hôn nhân với chị T vì không có mâu thuẫn gì, anh G muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Bà đề nghị anh G và chị T đoàn tụ, nếu không đoàn tụ được thì chị T và anh G phải có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc các con.

Anh G và chị T có 02 con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 12/5/1998, cháu bị khuyết tật nặng phải có người chăm sóc, được hưởng trợ cấp xã hội và cháu Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 06/4/2006, cháu đang học lớp 12 trường

THPT B, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng bà và anh G. Dù anh G và chị T có đoàn tụ hay không thì đều phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các con chu đáo.

Anh G và chị T không có tài sản chung.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Khoảng năm 1999, Ủy ban nhân dân xã B đã cấp giấy xác nhận tình trạng độc thân để chị T làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn G. Chị T và anh G không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, việc chị T và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B hay không thì địa phương không biết. Chị T và anh G có 02 con chung như chị T đã trình bày là đúng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tài sản chung của chị T và anh G như thế nào địa phương không biết, anh chị không nợ tổ chức, đoàn thể tại địa phương. Sổ cấp giấy tình trạng hôn nhân năm 1999 Ủy ban nhân dân xã B không còn lưu trữ.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh G cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Hoàng Văn G có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện K, địa phương đã kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn từ năm 1997 trở lại đây không có tên của anh Hoàng Văn G và chị Nguyễn Thị T. Quá trình chung sống tại địa phương, mâu thuẫn của hai người không thể hiện ra bên ngoài nhưng chị T đã về quê ngoại sinh sống mấy năm gần đây, không chung sống cùng anh G nữa. Việc hôn nhân giữa chị T và anh G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh G và chị T có 02 con chung, cả hai cháu đang ở cùng anh G và đều trên 18 tuổi, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tài sản chung của hai người địa phương không biết, anh chị không nợ tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, Khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn G là vợ chồng.

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 12/5/1998; chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Hoàng Văn G không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn G1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Chị T và anh G chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn G là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh G có 02 con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 12/5/1998 và Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 06/4/2006, các con đang ở cùng anh G. Chị T đề nghị anh G trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Minh H, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù 02 con chung của chị T và anh G đều đã trên 18 tuổi nhưng cháu Hoàng

Minh H, sinh ngày 12/5/1998 đang ở cùng anh G, bị liệt tứ chi, chậm phát triển tâm thần nặng (F72), không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Do đó, áp dụng các Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Minh H, chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cháu H. Còn cháu Hoàng Thị Thu T1, sinh ngày 06/4/2006 đến nay đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh G chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 9, 14, 15, Khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn G là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 12/5/1998; chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng.

Chị T và anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002084 ngày 15/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiến Xương, ngày 20 tháng 6 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 55 phút, ngày 20 tháng 6 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh T.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng T3.

+ Các hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị D; bà Bùi Thị N

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2024 về “Không công nhận là vợ chồng”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Á, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1979

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 9, 14, 15, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

BQ: 3/3 nhất trí

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn G là vợ chồng.

BQ: 3/3 nhất trí.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng Văn G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh H, sinh ngày 12/5/1998; chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng.

Chị **T** và anh **G** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

BQ: 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

BQ: 3/3 nhất trí.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002084 ngày 15/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí. Chị **Nguyễn Thị T** còn phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

BQ: 3/3 Nhất trí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái